TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 2486 /QĐ-CTCP397

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 04 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026 thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2433/QĐ-CTCP397 ngày 28/10/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 "Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026";

Căn cứ Tờ trình ngày 30/10/2026 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026 thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 03/11/2026 của Tổ thẩm định dự toán và KHLCNT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026 thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026 thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026.

- Tên chủ đầu tư: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu phố Yên Lãng, Phường Mạo Khê, thành phố Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: **177.796.080 đồng.**

Bằng chữ: (Một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện Vận tải.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026.

- Giá trị gói thầu: **177.796.080 đồng.**

Bằng chữ: (Một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công cổ phần 397.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu rút gọn.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 15 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 11 năm 2026.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày.

- Tuỳ chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyến (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5701435907 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN 397 - P. MẠO KHÊ - TP. QUẢNG NINH

Ngô Văn Thành

Phụ lục

BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 2486/QĐ-CTCP397 ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt nội dung công việc										
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026	Mua vật tư, hàng hóa phục vụ SCTX các thiết bị xe, đáp ứng nhu cầu sản xuất tháng 11 năm 2026	177.796.080 đồng	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	15 ngày	Tháng 11 năm 2026	Trọn gói	15 ngày	Không	Không

Phụ lục

BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 2486/QĐ-CTCP397 ngày 04/11/2026 của Công ty cổ phần 397)

STT	Tên vật tư	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Thuế VAT
1	Ắc nâng cần F120x370 (VOE 11177990)	Việt Nam	Cái	1	3.888.000	3.888.000	8%
2	Ắc nhíp trước Kamaz 6520 (hoặc hàng thay thế tương đương)	Trung Quốc	Cái	4	216.000	864.000	8%
3	Bu lông lưỡi gầu M24x90	Trung Quốc	Bộ	14	43.000	602.000	8%
4	Bu lông góc gầu M20x70 (29170019711)	Trung Quốc	Bộ	16	157.000	2.512.000	8%
5	Bu lông tắc kê sau	Việt Nam	Bộ	10	86.000	860.000	8%
6	Bu lông stan sau kamaz	Việt Nam	Bộ	2	86.000	172.000	8%
7	Vanh lửa to bơm cao áp	Việt Nam	Cái	5	162.000	810.000	8%
8	Vanh lửa nhỏ bơm cao áp	Việt Nam	Cái	5	216.000	1.080.000	8%
9	Lọc dầu động cơ P553639	Indonesia	Cái	1	486.000	486.000	8%
10	Lọc dầu nhiên liệu P551329	Indonesia	Cái	1	302.000	302.000	8%
11	Lọc dầu nhiên liệu P553004	Indonesia	Cái	1	173.000	173.000	8%
12	Cút nối nhanh F10	Việt Nam	Cái	3	9.000	27.000	8%
13	Cút nối nhanh 3 ngả F10	Việt Nam	Cái	3	13.000	39.000	8%
14	Băng dính cách điện	Việt Nam	Cuộn	1	13.000	13.000	8%
15	Bu lông bắt lá thép bơm cao áp	Việt Nam	Bộ	4	38.000	152.000	8%
16	Phớt đầu bơm cao áp 30x42x7	Việt Nam	Cái	1	130.000	130.000	8%
17	Nhíp trước 90x14x1000	Việt Nam	Lá	2	810.000	1.620.000	8%
18	Nhíp trước 90x14x1250	Việt Nam	Lá	2	950.000	1.900.000	8%
19	Nhíp trước 90x14x1300	Việt Nam	Lá	2	1.080.000	2.160.000	8%
20	Bu lông giằng cầu M18x100	Việt Nam	Bộ	12	59.000	708.000	8%
21	Bu lông giằng cầu M18x290	Việt Nam	Bộ	6	92.000	552.000	8%

22	Bu lông giằng cầu dài M20x330	Việt Nam	Bộ	22	130.000	2.860.000	8%
23	Bu lông giằng cầu ngắn M20x120	Việt Nam	Bộ	30	59.000	1.770.000	8%
24	Gioăng moay ơ sau Φ4x175	Việt Nam	Cái	4	76.000	304.000	8%
25	Gioăng moay ơ sau Φ6x250	Việt Nam	Cái	4	108.000	432.000	8%
26	Keo dán gioăng	Việt Nam	Tuýp	4	97.000	388.000	8%
27	Bu lông chân hộp số M18x70	Việt Nam	Bộ	4	19.000	76.000	8%
28	Bu lông M27x300	Việt Nam	Bộ	1	270.000	270.000	8%
29	Bạc nhựa balance	Việt Nam	Cái	4	626.000	2.504.000	8%
30	Ty ô bơm lái 3/8" 2AT, L=1,8m 2 đầu giắc co, 1 đầu cong, 1 đầu thẳng côn bằng	Malaysia	Sợi	1	594.000	594.000	8%
31	Nhíp sau 100x22x80	Việt Nam	Lá	2	972.000	1.944.000	8%
32	Dây curoa 6PK2120	Việt Nam	Sợi	1	432.000	432.000	8%
33	Quang nhíp sau Kamaz	Việt Nam	Bộ	4	702.000	2.808.000	10%
34	Nhíp trước 90x14x450	Việt Nam	Lá	2	540.000	1.080.000	8%
35	Nhíp trước 90x14x900	Việt Nam	Lá	2	756.000	1.512.000	8%
36	Nhíp trước 90x14x1680	Việt Nam	Lá	2	1.080.000	2.160.000	8%
37	Giẻ lau	Việt Nam	kg	1	16.000	16.000	8%
38	Tiết chế máy phát	Việt Nam	cái	1	540.000	540.000	8%
39	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Việt Nam	Lá	2	1.188.000	2.376.000	8%
40	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Việt Nam	Lá	2	1.242.000	2.484.000	8%
41	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Việt Nam	Lá	2	1.080.000	2.160.000	8%
42	Nhíp trước 90x14x1500	Việt Nam	Lá	2	1.026.000	2.052.000	8%
43	Nhíp trước 90x14x1350	Việt Nam	Lá	2	918.000	1.836.000	8%
44	Nhíp trước 90x14x1200	Việt Nam	Lá	2	810.000	1.620.000	8%
45	Nhíp trước 90x14x1050	Việt Nam	Lá	2	756.000	1.512.000	8%

46	Nhíp trước 90x14x900	Việt Nam	Lá	2	756.000	1.512.000	8%
47	Nhíp trước 90x14x750	Việt Nam	Lá	2	702.000	1.404.000	8%
48	Nhíp trước 90x14x600	Việt Nam	Lá	2	626.000	1.252.000	8%
49	Nhíp trước 90x14x450	Việt Nam	Lá	2	540.000	1.080.000	8%
50	Nhíp trước 90x14x300	Việt Nam	Lá	2	432.000	864.000	8%
51	Quang nhíp trước	Việt Nam	Cái	4	324.000	1.296.000	10%
52	Quang nhíp sau	Việt Nam	Cái	4	702.000	2.808.000	10%
53	Bu lông xăng tan trước Kamaz	Việt Nam	Bộ	1	59.000	59.000	8%
54	Bu lông xăng tan sau Kamaz	Việt Nam	Bộ	2	86.000	172.000	8%
55	Bu lông các đăng M14x60	Việt Nam	Bộ	4	30.000	120.000	8%
56	Dây cu roa 6PK2140	Việt Nam	Sợi	1	432.000	432.000	8%
57	Nhíp sau 100x22x1600	Việt Nam	Lá	8	1.512.000	12.096.000	8%
58	Nhíp sau 100x22x1250	Việt Nam	Lá	2	1.188.000	2.376.000	8%
59	Nhíp sau 100x22x1150	Việt Nam	Lá	2	1.134.000	2.268.000	8%
60	Nhíp sau 100x22x1000	Việt Nam	Lá	2	1.080.000	2.160.000	8%
61	Nhíp sau 100x22x850	Việt Nam	Lá	2	972.000	1.944.000	8%
62	Nhíp sau 100x22x750	Việt Nam	Lá	2	864.000	1.728.000	8%
63	Nhíp sau 100x22x650	Việt Nam	Lá	2	702.000	1.404.000	8%
64	Nhíp sau 100x22x550	Việt Nam	Lá	2	648.000	1.296.000	8%
65	Nhíp sau 100x22x450	Việt Nam	Lá	2	594.000	1.188.000	8%
66	Nhíp sau 100x22x350	Việt Nam	Lá	2	540.000	1.080.000	8%
67	Bìa rơm	Việt Nam	Tờ	1	43.000	43.000	8%
68	Bi chữ thập cát đăng to	Trung Quốc	Cụm	1	3.456.000	3.456.000	8%
69	Bi chữ thập cát đăng nhỏ 42060-70230	Trung Quốc	Cụm	1	3.024.000	3.024.000	8%
70	Bu lông cát đăng M12	Việt Nam	Bộ	12	24.000	288.000	8%

71	Dầu phanh Dot3	Việt Nam	chai	5	130.000	650.000	8%
72	Vòng bi moay ơ trước 32310	Nhật Bản	Vòng	1	1.350.000	1.350.000	8%
73	Tuy ô 5/8" 2 lớp L=2,4m (1 đầu thẳng + cong)	Trung Quốc	Sợi	1	1.134.000	1.134.000	8%
74	Lốp, săm, yếm 26.5-R25 bố vải	Trung Quốc	Bộ	1	36.612.000	36.612.000	8%
75	Bầu phanh lốc kê STR Kamaz 6520-Scania	Trung Quốc	Cái	14	1.188.000	16.632.000	8%
76	Bầu phanh trước Kamaz 6520 -Scania	Trung Quốc	Cái	1	918.000	918.000	8%
77	Vilet phanh sau Kamaz 6520-Scania	Trung Quốc	Cái	4	1.296.000	5.184.000	8%
78	Vilet phanh trước Kamaz 6520-Scania	Trung Quốc	Cái	3	1.296.000	3.888.000	8%
	Cộng					**164.498.000**	
	Thuế VAT 10% (mục 33, 51, 52)					**691.200**	
	Thuế VAT 8% (trừ mục 33, 51, 52)					**12.606.880**	
	Tổng giá trị đã bao gồm VAT					**177.796.080**	

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng)./.